

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 76/2022/HC-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v “*Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực cấp giấy CNQSD đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Thái

Bà Lê Thị Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 112/2022/TLST- HC ngày 28/6/2022, về việc khởi kiện “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HC ngày 28/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-HC ngày 04/8/2022; giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đ.X.C, sinh năm 1963; Địa chỉ: huyện C, tỉnh B.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông L.V.D - Trưởng phòng Tài nguyên-Môi trường huyện C;

Cùng địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, Tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà M.T.S, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xã S.N, huyện C, tỉnh B.

- Bà H.T.H, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Xã S.N, huyện C, tỉnh B.

(Ông Đ.X.C, ông L.V.D đều có mặt; đương sự khác vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa và có ủy quyền, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1996, vợ chồng ông Đ.X.C (vợ là bà H.T.H) khai phá và canh tác ổn định đến nay trên diện tích khoảng 433m² thuộc thửa 690 tờ bản đồ địa chính số 35, tại Thôn H, xã S.N, huyện C, tỉnh B.

Vợ chồng ông Đ.X.C trồng cây Khoai Mì, cây Bắp, có ranh giới đất rõ ràng với các hộ xung quanh, có hàng rào lưới B40 rào quanh diện tích đất khoảng 433m² nói trên. Việc sử dụng đất không tranh chấp với bất kỳ cá nhân nào.

Trong quá trình sử dụng đất, ông Đ.X.C biết diện tích đất này đã cấp nhầm cho ông T.Đ.D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số Đ 007715 ngày 28/11/2003 (Gọi tắt GCNQSD đất số Đ 007715).

Năm 2006, ông T.Đ.D mất và gia đình đã làm thủ tục tặng cho toàn bộ các diện tích đất và thửa đất nằm trong GCNQSD đất số Đ 007715 cho bà M.T.S (vợ ông T.Đ.D). Trên thực tế, bà M.T.S và gia đình chỉ sử dụng diện tích khoảng 60m² thuộc thửa 690, tờ bản đồ địa chính số 35, nằm ngoài diện tích khoảng 433m² được gia đình ông Cảnh rào lưới B40.

Do phát hiện ra sự nhầm lẫn này nên bà M.T.S đã có Đơn xin trả lại đất do nhận nhầm ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bà M.T.S thừa nhận diện tích đất nhận nhầm khoảng 433m².

Ngày 31/5/2022 ông Đ.X.C có Đơn khởi kiện và ngày 28/7/2022 có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ007718 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D đối với phần diện tích khoảng 433m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn H, xã S.N, huyện C.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp GCNQSD đất đối phần diện tích khoảng 433m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn H, xã S.N, huyện C cho ông Đ.X.C và bà H.T.H.

[2] Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

* Hồ sơ cấp GCNQSD đất của hộ ông T.Đ.D

Phần diện tích liên quan đến nội dung vụ án thuộc thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 xã S.N, huyện C; hồ sơ địa chính thể hiện:

- Ngày 28/11/2003, Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp GCNQSD đất số Đ 007718 đối với diện tích 10.696m² của các thửa đất số 680, 690 tờ bản đồ địa chính số 35 tại xã S.N, huyện C.

Trong đó thửa đất số 690 có diện tích 493m², mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm.

- Ngày 21/01/2018, Văn phòng công chứng T.V.P đã công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông T.Đ.D (ông T.Đ.D chết ngày 23/5/2016). Di sản mà ông T.Đ.D để lại là phần quyền sử dụng đất trong quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T.Đ.D thuộc các thửa đất số 680, 690 nêu trên. Tại văn bản này, các ông/bà T.T.X.H, T.M.Đ, T.H.Đ, T.T.X.M đồng ý tặng cho bà M.T.S phần thừa kế mà mình được hưởng từ di sản của ông T.Đ.D chết để lại.

- Ngày 06/02/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý tên chủ sử dụng đất là bà M.T.S tại trang tư GCNQSD đất số Đ 007718 sau khi hoàn thành thủ tục nhận di sản thừa kế.

- Ngày 15/01/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý thông tin biến động đất đai tại trang tư GCNQSD đất số Đ 007718 về diện tích còn lại là 493m² thuộc thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 tại xã S.N, huyện C.

*** Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất:**

Theo nội dung Biên bản được Ủy ban nhân dân xã S.N lập ngày 18/5/2022 về xác minh nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất để trả lại đất do nhận nhầm và Đơn xin trả lại đất do nhận nhầm của bà M.T.S ghi ngày 10/5/2022, thì hiện trạng thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 xã S.N, huyện C là do hộ ông Đ.X.C đang trực tiếp canh tác, sử dụng với diện tích khoảng 433m², phần diện tích còn lại (khoảng 60m²) do bà M.T.S trực tiếp canh tác.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C về nội dung vụ án hành chính sơ thẩm số 112/2022/TLST-HC ngày 28/6/2022:**

Qua kết quả kiểm tra, rà soát về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thể hiện theo hồ sơ địa chính lưu trữ, Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy:

- Phần diện tích liên quan đến nội dung khởi kiện của ông Đ.X.C thuộc thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 xã S.N, huyện C. Phần diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số Đ007718 ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D. Ngày 06/02/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý tên chủ sử dụng đất là bà M.T.S tại trang tư của Giấy chứng nhận sau khi hoàn thành thủ tục nhận di sản thừa kế.

- Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất theo nội dung Biên bản được Ủy ban nhân dân xã S.N lập ngày 18/5/2022 và Đơn xin trả lại đất do nhận nhầm của bà M.T.S ghi ngày 10/5/2022 thì hiện trạng thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 xã S.N, huyện C là do hộ ông Đ.X.C đang trực tiếp canh tác, sử dụng với diện tích khoảng 433m², phần diện tích còn lại (khoảng 60m²) do bà M.T.S trực tiếp canh tác.

Như vậy, việc ông Đ.X.C cho rằng Ủy ban nhân dân huyện C cấp GCNQSD đất cho hộ ông T.Đ.D (sau này bà M.T.S đã nhận thừa kế) là có cơ sở.

Tuy nhiên, căn cứ Khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) thì Ủy ban nhân dân huyện C không có thẩm quyền thu hồi GCNQSD đất đã cấp trong trường hợp người được cấp GCNQSD đất đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, cụ thể: *“Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật”*.

Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét giải quyết công nhận quyền sử dụng cho chủ sử dụng đất

hợp pháp; Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện nội dung các phần việc mà Bản án hoặc Quyết định của cơ quan Tòa án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà H.T.H trình bày: Bà H.T.H là vợ của ông Đ.X.C; bà H.T.H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.X.C.

[4] Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà M.T.S trình bày:

Năm 2003, chồng bà M.T.S là ông T.Đ.D được UBND huyện C cấp GCNQSD đất số Đ 007715 ngày 28/11/2003 với tổng diện tích 10.696m² đất, gồm 300m² đất ở thuộc thửa 680, 9.903 m² đất HNK thuộc thửa 680 và 493m² thuộc thửa 690 tờ bản đồ số 35, thuộc Thôn H, xã S.N, huyện C, tỉnh B. Năm 2006, ông T.Đ.D mất và bà M.T.S là người thừa kế toàn bộ đất tại GCNQSD đất Đ 007715 ngày 28/11/2003 nêu trên. Và đã được chỉnh lý tại Trang 4 của GCNQSD đất ngày 06/02/2018.

Quá trình sử dụng đất, bà M.T.S và gia đình ông Đ.X.C phát hiện ra sự nhầm lẫn về đất. Cụ thể, tại thửa 690 diện tích khoảng 493m², bà M.T.S chỉ sử dụng khoảng 60m² đất, còn lại khoảng 433m² đất là gia đình ông Đ.X.C sử dụng và có ranh giới rõ ràng bằng hàng rào lưới B40. Quá trình sử dụng đất hai bên không có tranh chấp với nhau. Giữa gia đình bà M.T.S và gia đình ông Đ.X.C từ trước đến nay không có mua bán, tặng cho hay đổi đất cho nhau. Do đó ngày 10 tháng 5 năm 2022 bà M.T.S đã có Đơn xin trả lại đất do nhận nhầm diện tích khoảng 433m² cho vợ chồng ông Đ.X.C. Nay ông Đ.X.C có Đơn khởi kiện yêu cầu: Tuyên hủy một phần GCNQSD đất số Đ007718 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D đối với phần diện tích khoảng 433 m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại thôn H, xã S.N, huyện C thì bà M.T.S đồng ý. Và đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết để các hộ được cấp GCNQSD đất cho đúng hiện trạng đất đang sử dụng.

[5] Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm cơ bản thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Người bị kiện chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, vắng mặt các buổi tham gia đối thoại. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Theo kết quả xác minh nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất để trả lại đất do nhận nhầm tại biên bản được UBND xã S.N lập ngày 18/5/2022 thì về nguồn gốc đất, vào năm 2003 hộ ông T.Đ.D đi nhận đất trên bản đồ và đăng ký kê khai thủ tục đề nghị cấp GCNQSD đất tại xã S.N, do không am hiểu nhận đất trên bản đồ nên ông T.Đ.D nhận nhầm đất và đề nghị cấp giấy chứng nhận diện tích 493m² thuộc thửa đất số 690; về hiện trạng sử dụng đất, một phần thửa đất số 690, diện tích khoảng 433m² do hộ ông Đ.X.C đang sử dụng canh tác ổn định; phần đất còn lại khoảng 60m² thuộc thửa đất số 690 do hộ ông T.Đ.D, bà M.T.S sử dụng canh tác.

Tại Đơn xin trả lại đất do nhận nhầm của bà M.T.S ngày 10/5/2022, bà M.T.S đã có ý kiến đồng ý trả lại diện tích đất khoảng 433m² do nhận nhầm cho hộ ông Đ.X.C tại GCNQSD đất số Đ 007718 ngày 28/11/2003.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Sinh cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ.X.C và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để các hộ được cấp GCNQSD đất đúng với hiện trạng đang sử dụng. UBND huyện C có ý kiến về vụ án là việc ông Đ.X.C cho rằng UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T.Đ.D (sau này bà M.T.S đã nhận thừa kế) là có cơ sở; UBND huyện sẽ thực hiện nội dung các phần việc theo bản án của cơ quan Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy, UBND huyện C cấp GCNQSD đất số Đ 007718 ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D đối với diện tích 433m² thuộc thửa đất số 690, tờ bản đồ số 35 xã S.N, huyện C là không đúng với đối tượng, hiện trạng sử dụng đất giữa hộ ông Đ.X.C và hộ ông T.Đ.D (bà M.T.S đã nhận thừa kế), có sự sai sót, nhầm lẫn diện tích đất. Từ những tình tiết và nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của ông Đ.X.C về việc hủy GCNQSD đất số Đ 007718 ngày 28/11/2003 do UBND huyện C cấp cho hộ ông T.Đ.D (chỉnh lý tên sử dụng đất là bà M.T.S) là có cơ sở chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.X.C, hủy GCNQSD đất số Đ 007718 ngày 28/11/2003 do UBND huyện C cấp cho hộ ông T.Đ.D (chỉnh lý tên sử dụng đất là bà M.T.S) đối với diện tích khoảng 433m² thuộc thửa đất số 690, tờ bản đồ số 35 xã S.N, huyện C. Buộc UBND huyện C giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông Đ.X.C, bà M.T.S theo đúng thửa đất và diện tích đất thực tế hai hộ đang sử dụng.

-Án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người bị kiện có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt đương sự là đúng.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền xét xử:

Ông Đ.X.C có khởi kiện và ngày 28/7/2022 có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ007718 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/11/2003 (Gọi tắt GCNQSD đất số Đ 007715) cho hộ ông T.Đ.D đối với phần diện tích khoảng 433m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tại thôn H, xã S.N, huyện C. Buộc UBND huyện C cấp GCNQSD đất đối phần diện tích khoảng 433m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tại thôn H, xã S.N, huyện C cho ông Đ.X.C và bà H.T.H.

Các yêu cầu trên là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ007718 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai 2003.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12/01/2022, ông Đ.X.C gửi đơn khởi kiện hành vi hành chính và GCNQSD đất số Đ007718 là còn trong thời hạn khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[5] Về nội dung:

[5.1] Ông Đ.X.C khởi kiện với diện tích khoảng 433m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tại thôn H, xã S.N, huyện C, tỉnh B; đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp GCNQSD đất lần đầu số Đ007718 ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D. Do ông T.Đ.D chết, gia đình bà M.T.S (Vợ ông T.Đ.D) đã làm các thủ tục thừa kế, đến ngày 06/02/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý tên chủ sử dụng đất là bà M.T.S tại trang tư của GCNQSD đất sau khi hoàn thành thủ tục nhận di sản thừa kế. Việc UBND huyện cấp GCNQSD đất cho ông T.Đ.D và việc giải quyết thủ tục chuyển quyền sử dụng đất giữa ông T.Đ.D với bà M.T.S đều được thực hiện đúng theo hồ sơ địa chính và trình tự, thủ tục.

Tuy nhiên quá trình sử dụng đất và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất theo nội dung Biên bản được UBND xã S.N lập ngày 18/5/2022 và Đơn xin trả lại đất do nhận nhầm của bà M.T.S ghi ngày 10/5/2022 thì hiện trạng thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 xã S.N, huyện C.Đ là do hộ ông Đ.X.C đang trực tiếp canh tác, sử dụng với diện tích đất khoảng 433m², phần diện tích còn lại (khoảng 60m²) do bà M.T.S trực tiếp canh tác. Như vậy, ông Đ.X.C cho rằng Ủy ban nhân dân huyện C.Đ cấp nhầm GCNQSD đất cho hộ ông T.Đ.D (sau này bà M.T.S đã nhận thừa kế) là có cơ sở; nên cần phải thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất để cấp lại cho đúng hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Đ.X.C, bà M.T.S.

Do ông Đ.X.C chỉ sử dụng một phần đất khoảng 433m², diện tích còn lại (khoảng 60m²) do bà M.T.S trực tiếp sử dụng. Ông Đ.X.C không sử dụng toàn bộ thửa đất số 690; nên việc hủy một phần diện tích đất tại GCNQSD đất số Đ007718, là không thực hiện được; đồng thời tại GCNQSD đất số Đ007718, chỉ còn thửa đất số 690 tờ bản đồ địa chính số 35 xã S.N.

Vì vậy, căn cứ khoản 5 và 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì UBND huyện C không được thu hồi GCNQSD đất đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, ... và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.X.C để hủy GCNQSD đất số Đ007718 do UBND huyện C cấp ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D (đã chỉnh lý sang tên bà M.T.S ngày 06/02/2018) đối với thửa đất số 690, tờ bản đồ số 35, tại thôn H, xã S.N, huyện C. Buộc UBND huyện C giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất cho hộ ông Đ.X.C, bà H.T.H, bà M.T.S theo đúng thửa đất và diện tích đất thực tế đang sử dụng.

[5.2] Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.X.C là phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát.

[6] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã được Hội đồng xét xử xem xét như trên.

[7] Án phí Hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức phải nộp 300.000 đồng. Ông Đ.X.C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của ông Đ.X.C:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ007718 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/11/2003 cho hộ ông T.Đ.D (đối với thửa số 690, tờ bản đồ số 35, tại thôn H, xã S.N, huyện C, tỉnh B), ngày 06/02/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã chỉnh lý tên chủ sử dụng đất là bà M.T.S.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết hồ sơ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ.X.C và bà H.T.H, bà M.T.S theo đúng thửa đất và diện tích đất thực tế hai hộ đang sử dụng theo quy định pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000 đồng. Ông Đ.X.C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0000292 ngày 17/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B cho ông Đ.X.C.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết; để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Thiện